**SỰ TƯƠNG THÍCH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN (P1)**

**LƯƠNG THỊ BÍCH NGÂN**

Công ước chống tra tấn của Liên Hiệp Quốc tên đầy đủ là Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc Đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác (United Nations Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment) là một trong [các văn kiện nhân quyền quốc tế và khu vực](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1c_v%C4%83n_ki%E1%BB%87n_nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n_qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF_v%C3%A0_khu_v%E1%BB%B1c), dưới sự duyệt xét lại của [Liên Hiệp Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_Hi%E1%BB%87p_Qu%E1%BB%91c) nhằm mục đích phòng chống [tra tấn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tra_t%E1%BA%A5n) trên toàn thế giới.

Bản công ước được Đại hội đồng liên hiệp quốc thông qua ngày 10/12/1984, và bắt đầu có hiệu lực vào ngày 26/6/1987. Cho đến nay, sau 35 năm tồn tại, Công ước đã có sự phát triển về thành phần và số lượng thành viên tham gia, hiện nay đã có hơn 154 quốc gia phê chuẩn. Công ước đã chỉ rõ những quy định mang tính chất ràng buộc đối với các quốc gia thành viên liên quan, theo đó: các quốc gia thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác cụ thể nhằm ngăn chặn mọi hành vi tra tấn, thông qua các biện pháp hỗ trợ thông tin, đào tạo các lực lượng thực thi pháp luật, thường xuyên rà soát các quy định về thẩm vấn và giam giữ phạm nhân. Các quốc gia tham gia Công ước này cũng có nghĩa vụ trừng trị những hành vi tra tấn bằng các biện pháp, hình phạt thích đáng đồng thời có các biện pháp hỗ trợ nạn nhân trong phạm vi cho phép. Đặc biệt, Công ước khuyến khích các quốc gia thành viên hỗ trợ lẫn nhau về thủ tục tố tụng hình sự đối với những hành vi phạm tội liên quan đến tra tấn, dùng nhục hình, kể cả việc hỗ trợ việc cung cấp bằng chứng nếu có.

Tương tự với cấu trúc của các Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền, Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Công ước chống tra tấn cũng được quy định với một lời mở đầu và 33 điều khoản được chia làm 3 phần chính:

**Phần 1:** Công ước quy định những điều khoản nội dung cơ bản của Công ước về nghiã vụ của các thành viên Công ước cần áp dụng trọng pháp luật quốc gia.

**Phần 2**: Quy định về thẩm quyền và các phương thức hoạt động của Ủy ban chống tra tấn, cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc thực thi Công ước (thông qua việc xem xét báo cáo định kỳ của các quốc gia, nhận khiếu nại của các nạn nhân tra tấn, điều tra tình hình thực tế...). Quy định việc thành lập, thẩm quyền, hoạt động của Uỷ ban chống tra tấn Và cho phép các bên công nhận thẩm quyền của Ủy ban được nghe các khiếu nại, khiếu tố của các cá nhân về việc vi phạm Công ước của một bên ký kết.

**Phần 3**: Quy định về việc phê chuẩn, hiệu lực thi hành và tu chính Công ước bao gồm một cơ chế trọng tài tùy chọn (không bắt buộc) đối với tranh chấp.

Việt Nam đã tham gia kí kết công ước và trở thành thành viên từ ngày 11/7/2013. Việc tham gia công ước này nhằm đảm bảo hơn việc nước ta tiến tới loại bỏ dần hành vi tra tấn, đối xử tàn bạo xâm phạm quyền con người của các cán bộ ngành tư pháp. Đồng thời hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật hiện hành góp phần bảo đảm hơn những quyền con người.

Có thể khẳng định trước khi tham gia Công ước, Pháp luật Việt Nam chưa có quy định nào thể hiện được thế nào là tra tấn nhưng khi phân tích trong nội dung các văn bản Luật có thể thấy tinh thần chống tra tấn đã được thể hiện khá cơ bản. Chính vì vậy, việc tham gia Công ước có thể thấy được tầm quan trọng của việc quy định về chống tra tấn trên thực tế của pháp luật quốc gia.

Cụ thể, có thể thấy được sự tương thích của trong pháp luật Việt Nam với nội dung công ước như sau:

Trong Hiến pháp

Trong Hiến pháp nước ta có quy định về các quyền cơ bản của công dân trong đó có việc quy định về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, trong đó có việc nghiêm cấm hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”* (Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp 2013). Trong quy định của Hiến pháp thì chưa quy định cụ thể hành vi “tra tấn” là những hành vi nào, nhưng xét về tính chất của các hành vi truy bức, bức cung, dùng nhục hình quy định trong Hiến pháp thì chúng đã có tính chất tương tự với tính chất của “tra tấn” được quy định tại điều 1 Công ước chống tra tấn, điều đó cho thấy ý thức của các nhà làm luật về việc chống lại các hành vi trái pháp luật của cán bộ tư pháp xâm phạm đến các quyền cơ bản của công dân. Bên cạnh đó, Hiến pháp còn quy định về quyền được bồi thường về vật chất, phục hồi về nhân phẩm của người bị bắt, giam giữ trái pháp luật, đồng thời người làm trái pháp luật gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh*: “Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh”.* Có thể nói rằng việc một cá nhân sử dụng việc gây tổn hại đến người khác trái pháp luật là đã vi phạm các quyền cơ bản của công dân, vi phạm nội dung của Hiến pháp nước ta, điều này là tương thích với điều 14- Công ước chống tra tấn về quyền được bồi thường cảu người bị tra tấn bị xâm phạm trái pháp luật và việc xử lý hành vi tra tấn.

Bên cạnh việc quy định quyền con người, thì để đảm bảo được tính khách quan, trung thực và tính đúng đắn của vụ án và quá trình xem xét chứng cứ thì tại khoản 2 Điều 103 của Hiến pháp 2013 có quy định như sau *“Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”*. Đây cũng được xem là nguyên tắc chung của quá trình xét xử một vụ án, là nguyên tắc đảm bảo cho việc xét xử vụ án được khách quan, đảm bảo xét xử đúng pháp luật, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân dựa trên các chứng cứ, chứng mình được xem xét, đánh giá theo đúng quy định của pháp luật. Tính độc lập của Thẩm phán và hội thẩm được thể hiện ở 2 mối quan hệ: độc lập giữa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân với nhau và độc lập với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Trong mối quan hệ thứ nhất, giữa thành viên hội đồng xét xử với nhau, mỗi người không chịu sự chi phối của các thành viên khác trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ và quyết định giải quyết vụ án. Trong mối quan hệ thứ hai, thì có thể hiểu rằng, trong quá trình xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân không bị chi phối bởi các ý kiến, chứng cứ có được từ cơ quan điều tra, Viện kiểm sát…mà trong quá trình xét xử, họ sẽ là người xem xét, đánh giá các ý kiến, chứng cứ đó theo đúng quy định của pháp luật, từ quá trình này, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành xác minh tính đúng đắn của các chứng cứ từ đó một phần có thể xác minh việc có sử dụng bức cung, nhực hình trong quá trình lấy lời khai hay không.

Về quyền giám sát hoạt động tư pháp, Hiến pháp 2013 đã thể hiện tinh thần giám sát và kiểm tra theo chiều ngang và chiều dọc giữa các cơ quan với nhau trong hệ thống cơ quan nhà nước. Đặc biệt, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hiện chức năng giám sát đối với việc tuân thủ theo pháp luật, thực hiện quyền công tố trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình “Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan khác thuộc Chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát địa phương, các viện kiểm sát quân sự kiểm sat việc tuân thủ theo Pháp luật, thực hiện quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm của mình”. Thông qua quá trình kiểm sát này có thể phần nào giám sát được quá tình điều tra, truy tố và thu thập lời khai của các cán bộ có thẩm quyền, giảm thiểu được việc dùng nhục hình hay bức cung trong quá trình thu thập lời khai làm chứng cứ và truy cứu trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định các quy định của Hiến pháp phần nào đã tương thích với quy định của Công ước chống tra tấn. Đảm bảo quá trình lập pháp, hành pháp, tư pháp được thực hiện hiệu quả nhưng không đi ngược lại với tinh thần chung của Điều 3 Công ước đó là ngăn chặn hành vi tra tấn xảy ra trên thực tế.